TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HÀ NỘI** -----	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **754**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 956/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/07/2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

+ Ông Tạ Đức Đ, sinh năm 1961;

Căn cước công dân số 034061005882 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/04/2021;

Nơi thường trú và cư trú: Phòng 2009 Tòa D I, số 203 Nguyễn Huy T, phường TX, thành phố Hà Nội

+ Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1962;

Căn cước công dân số 040162000017 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 18/04/2021;

Nơi thường trú và cư trú: Phòng 2009 Tòa D I, số 203 Nguyễn Huy T, phường TX, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Ông Tạ Đức Đường và bà Nguyễn Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TXB, quận TX, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường TX, thành phố Hà Nội) ngày 07/11/1991. Đây là

hôn nhân hợp pháp.

Nay ông Đ, bà H cùng xác nhận không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên ông bà thống nhất thuận tình ly hôn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng ông Đ, bà H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ, bà H theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông Tạ Đức Đ và bà Nguyễn Thu H có 02 con chung là anh Tạ Đức B, sinh ngày 14/6/1992 và chị Tạ Thu A, sinh ngày 14/6/1992 (anh em sinh đôi). Hai con chung đã ngoài 18 tuổi và trường thành, có gia đình riêng, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nhà đất ở chung (động sản và bất động sản): Ông Tạ Đức Đ và bà Nguyễn Thu H cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Ông Tạ Đức Đ và bà Nguyễn Thu H cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Tạ Đức Đ và bà Nguyễn Thu H được miễn lệ phí hôn nhân, gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Đức Đ và bà Nguyễn Thu H cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Tạ Đức Đ và bà Nguyễn Thu H có 02 con chung là anh Tạ Đức B, sinh ngày 14/6/1992 và chị Tạ Thu A, sinh ngày 14/6/1992 (anh em sinh đôi). Hai con chung đã ngoài 18 tuổi và trường thành, có gia đình riêng, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nhà đất ở chung (động sản và bất động sản): Ông Tạ Đức Đ và bà Nguyễn Thu H cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Tạ Đức Đ và bà Nguyễn Thu H cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án**:** Ông Tạ Đức Đ và bà Nguyễn Thu H được miễn lệ phí hôn nhân, gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;

THẨM PHÁN

- VKSND Khu vực 2 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 2 – Hà Nội;
- UBND phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, (ĐKKH số 131 ngày 07/11/1991),
- Đương sự và lưu hs.

Hoàng Nghĩa Hải